

Số /2023/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 439/TTr-SNN ngày 29 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được đưa vào khai thác, sử dụng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh" là hệ thống công trình có liên quan trực tiếp với nhau trong quản lý, vận hành và bảo vệ trong một lưu vực hoặc một khu vực nhất định liên quan đến 2 tỉnh trở lên.

2. "Hệ thống công trình thủy lợi liên huyện" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 huyện, thành phố trở lên.

3. "Hệ thống công trình thủy lợi liên xã" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc từ 02 xã, phường hoặc thị trấn trở lên (sau đây gọi tắt là liên xã).

4. "Hệ thống công trình thủy lợi nội đồng" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi trong phạm vi xã, phường hoặc thị trấn (sau đây gọi tắt là xã).

5. "Cống đầu kênh" là công trình dẫn nước tưới hoặc tiêu nước cho một diện tích hưởng lợi nhất định thuộc trách nhiệm quản lý của người hưởng lợi.

6. "Công trình trên kênh" bao gồm: Công trình lấy nước, điều tiết, đo nước, chuyển nước, tiêu nước, xả nước khi có sự cố và xả nước cuối kênh, công trình giao thông và các công trình quản lý hệ thống kênh.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi

1. Bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính, củng cố vững chắc mối quan hệ giữa các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Giữ sự ổn định trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ nhằm đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế - xã hội của nhân

dân, đảm bảo sự bền vững.

3. Bảo đảm an toàn và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trong việc tưới tiêu, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh, kinh tế - xã hội và môi trường.

4. Phân cấp và giao nhiệm vụ theo quy mô, cấp công trình, đặc điểm, tính chất kỹ thuật của công trình và hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 5. Phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Giao nhiệm vụ cho các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình đầu mối, các trục kênh chính và các công trình điều tiết nước thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật phức tạp, cụ thể gồm:

a) Hồ chứa: Hồ chứa có dung tích chứa từ 500.000 m³ trở lên hoặc có chiều cao đập từ 10 m trở lên, có quy mô tưới phạm vi liên xã;

b) Đập dâng: Chiều cao đập từ 10 m trở lên, có quy mô tưới phạm vi liên xã;

c) Trạm bơm: Trạm bơm điện phục vụ phạm vi liên xã hoặc có diện tích tưới, tiêu thiết kế từ 200 ha trở lên;

d) Kênh mương và công trình trên kênh: Các trục kênh chính và các công trình điều tiết nước thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành điều tiết nước phức tạp, tính từ vị trí công đầu kênh của địa phương đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi nội đồng, hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật đơn giản của địa phương đang quản lý và các công trình thủy lợi do các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh bàn giao, cụ thể gồm:

a) Hồ chứa: Hồ chứa có dung tích chứa dưới 500.000 m³ hoặc có chiều cao đập dưới 10 m phục vụ trong phạm vi xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã);

b) Đập dâng: Có chiều cao đập dưới 10 m, có quy mô tưới trong phạm vi cấp xã;

c) Trạm bơm điện: Phục vụ phạm vi cấp xã hoặc có diện tích tưới, tiêu thiết kế dưới 200 ha;

d) Cống đầu kênh: Có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha. Trong một số trường hợp để đảm bảo tính hệ thống thì diện tích tưới, tiêu có thể lớn hơn 50 ha nhưng không vượt quá 200 ha.

Điều 6. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Căn cứ Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan,

hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi xây dựng danh mục các công trình thủy lợi được phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Phụ II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; dự báo về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác; kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước để lập phương án điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm nhu cầu sử dụng nước thiết yếu cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh; cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi.

c) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi; định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động thủy lợi trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Tài Nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi các nội dung liên quan đến việc đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi rà soát, tổng hợp đề xuất quy hoạch; dự kiến kế hoạch bố trí vốn đầu tư công 5 năm và hàng năm nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

4. Sở Tài chính:

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ khắc phục hạn hán và hậu quả lũ, lụt cho các cơ quan, đơn vị.

b) Tham mưu phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi về công tác kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định.

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức quy hoạch mạng lưới giao thông trong phạm vi bảo vệ

công trình thủy lợi để phát huy tối đa hiệu quả công trình, đảm bảo quy định của pháp luật về thủy lợi và giao thông; đồng thời không làm ảnh hưởng đến an toàn và vận hành của công trình thủy lợi.

6. Công an tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi xây dựng phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với các công trình thủy lợi lớn; đồng thời phối hợp nắm tình hình, kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi nằm trên địa bàn theo phân cấp.

b) Xây dựng danh mục các công trình thủy lợi được phân cấp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Thực hiện đăng ký, lập hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định tại Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi; định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động thủy lợi trước ngày 10 tháng 12 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi:

a) Củng cố năng lực, sắp xếp lại bộ máy tổ chức quản lý cho phù hợp. Thực hiện tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao nhiệm vụ quản lý đảm bảo an toàn và phát huy hiệu quả; xây dựng danh mục các công trình thủy lợi được giao nhiệm vụ quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tham gia xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các Tổ chức thủy lợi cơ sở tại các địa phương.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, bảo trì công trình thủy lợi.

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành công trình; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình được giao quản lý, khai thác.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, cung cấp dịch vụ khác. Khuyến khích, vận động sự tham gia của người dân trong sử dụng và bảo vệ công trình.

e) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 54 Luật Thủy lợi.

g) Thực hiện đăng ký, lập hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định tại Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

h) Định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động thủy lợi trước ngày 10 tháng 12 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và thay thế Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Thủ trưởng cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương và Nam Sông Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 8;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, NC-KSTTHC, TKCT;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích